TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SƠN LA** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 305/2021/HNGĐ-ST
Ngày 10/9/2021
V/v: Ly hôn giữa chị Dung và anh Kiểm

NHÂN DANH
N□ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SƠN LA, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Hương;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thanh Thúy; bà Lò Thị Quỳnh;

- Th- ký phiên toà: Ông Cầm Việt Hùng, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La;

- Đại diện VKSND thành phố Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Như Quỳnh, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 245/2021/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 6 năm 2021, vụ án xin ly hôn theo Quyết định đ- a vụ án ra xét xử số: 245/2021/QĐXX-ST ngày 25 tháng 8 năm 2021 *(lần thứ 2)* giữa các đ- ơng sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hà Thị D, sinh năm 1993; Trú tại bản Nà Hạ 1, xã Chiềng Mung, huyện M, tỉnh Sơn La, có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Lù Văn K, sinh năm 1989; Trú tại bản Muông, xã C, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La, vắng mặt không có lý do.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Không.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện *(vv Xin ly hôn)* ngày 01/6/2021 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Hà Thị D trình bày: Chị và anh Lù Văn K kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Chiềng Mung, huyện M, tỉnh Sơn La từ ngày 28/6/2010. Anh chị chung sống hạnh phúc với nhau đến

năm 2018, sau đó luôn bất đồng trong quan điểm sống, cãi cọ và xích mích với nhau nhiều lần, do hai vợ chồng không hợp tính. Hai vợ chồng chúng tôi sống ly thân từ năm 2018 đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Toà án giải quyết được ly hôn với anh Lù Văn Kiểm.

Con chung: Chúng tôi có 02 con chung: cháu Lù Thị Triệu Vy, sinh ngày 11/9/2011, cháu Lù Bảo Khanh, sinh ngày 05/6/2014, cả hai cháu hiện nay đang ở với mẹ *(Hà Thị D)*. Nếu ly hôn, tôi xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu, không yêu cầu bố cháu cấp dưỡng nuôi con cùng tôi.

Tài sản chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết;

Tài sản riêng: Không có;

Nợ chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết;

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã Thông báo hợp lệ cho anh Lù Văn K biết việc chị D khởi kiện xin ly hôn, anh K cố tình dấu địa chỉ, không đến Tòa án để nhận Thông báo thụ lý vụ án, viết bản tự khai. Rất nhiều lần Tòa án triệu tập hợp lệ bị đơn đến Tòa án, để tham gia phiên hòa giải, công khai chứng cứ và giải quyết vụ án, nhưng bị đơn không chấp hành, đều không có mặt. Tòa án 02 *(hai)* lần lập biên bản về việc tiếp cận, công khai chứng cứ + Biên bản không hòa giải được và đã Thông báo kết quả không hòa giải được niêm yết tại nơi cư trú cho bị đơn theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã lập Biên bản làm việc, biên bản xác minh tại nơi cư trú, xác minh với ông Lù Văn Luận là bố đẻ của anh Lù Văn K, đều xác định mâu thuẫn vợ chồng xảy ra đã lâu, anh K thường xuyên đi chơi game và sống lang thang không về nhà ở bản Muông, xã C. Tòa án đã nhiều lần tiến hành Niêm yết văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật, tại phiên tòa hôm nay anh Kiểm vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát có ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của HĐXX, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử Nghị án là hoàn toàn đúng theo quy định của pháp luật, đề nghị HĐXX áp dụng Điều 28, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xử cho chị Hà Thị D được ly hôn anh Lù Văn K. Đề nghị giao cả hai con chung là Lù Thị Triệu Vy, sinh ngày 11/9/2011 và cháu Lù Bảo Khanh, sinh ngày 05/6/2014 cho chị D được trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục đến khi các cháu trưởng thành. Chấp nhận anh K không phải cấp dưỡng nuôi con do chị D không yêu cầu.

Về án phí: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Chị Hà Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đ- ợc xem xét, thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà. Tòa án nhận định:

[1] Về Hôn nhân: Chị Hà Thị D và anh Lù Văn K kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Chiềng Mung, huyện M, tỉnh Sơn La từ ngày 28/6/2010, là hôn nhân hợp pháp. Anh chị chung sống không hòa thuận với nhau do hai vợ chồng không hợp tính, cuộc sống chung không hạnh phúc, mâu thuẫn xảy ra đã lâu, anh chị ly thân trong khoảng thời gian từ năm 2018 cho đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau, mặc dù hai bên gia đình đã hòa giải, giải quyết nhiều lần nhưng tình cảm vợ chồng không khắc phục được.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc gửi Thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng triệu tập bị đơn, thu thập chứng cứ đối với bị đơn nhưng bị đơn không chấp hành Giấy triệu tập, không có mặt tại phiên họp, phiên tòa. Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tòa án tiến hành xác minh tại nơi cư trú của vợ chồng chị D và anh K. Kết quả xác minh thể hiện: Hai vợ chồng anh chị Hà Thị D và Lù Văn K sống ly thân đã lâu, vợ chồng có 02 con chung, tài sản không có gì, không có nợ tiền của xã, bản. Mặt khác, anh K không có nghề nghiệp ổn định, sống lang thang, dấu địa chỉ. Nay chị D xin ly hôn anh K, đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, chị D vẫn kiên quyết xin ly hôn anh K vì không còn tình cảm vợ chồng, chị không thể tiếp tục chung sống vợ chồng với anh K.

Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa hai vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị D, xử cho chị D được ly hôn anh K là phù hợp với Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Hai vợ chồng anh chị có 02 con chung: cháu Lù Thị Triệu Vy, sinh ngày 11/9/2011, cháu Lù Bảo Khanh, sinh ngày 05/6/2014, cả hai cháu hiện nay đang ở với mẹ *(Hà Thị D)*. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên, xét nguyện vọng của cả hai con *(vì đều đã trên bảy tuổi),*

cùng có nguyện vọng nếu bố mẹ ly hôn cả ai cháu đều xin được ở với mẹ, xét cả hai cháu đều đang độ tuổi học sinh, cần có sự chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục của người mẹ nhiều hơn, cần giao cả hai cháu cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Chấp nhận anh Kiểm không phải cấp dưỡng nuôi con do chị D không yêu cầu. Anh K được quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

[3] Về tài sản chung: Nguyên đơn xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét. Nếu sau này bị đơn có yêu cầu, Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng một vụ án khác.

[4] Về nợ chung: Nguyên đơn xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét. Nếu sau này bị đơn có yêu cầu, Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng một vụ án khác.

[5] Về án phí: Chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hà Thị D được ly hôn anh Lù Văn K.

2. Về phần con chung: Giao cả hai cháu là Lù Thị Triệu Vy, sinh ngày 11/9/2011, cháu Lù Bảo Khanh, sinh ngày 05/6/2014 cho chị Hà Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Chấp nhận anh Lù Văn K không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Hà Thị D do chị Hà Thị D không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về phần tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung: Tòa án không xem xét, do nguyên đơn xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này bị đơn có yêu cầu, Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

4. Về phần án phí: Chị Hà Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000,đ (*ba trăm ngàn đồng*) đ- ợc trừ vào số tiền 300.000,đ (*ba trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0002887 ngày 04 tháng 6 năm 2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Hà Thị D có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn anh Lù Văn K *(vắng mặt)* có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát nhân dân TP Sơn La (2);
- Chi cục THADS TP Sơn La;
- UBND xã C *(để ghi vào sổ hộ tịch);*
- Các đương sự (2);
- Lưu: hồ sơ, án văn.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký và đóng dấu)

Đặng Thị Hương

.